

Bản án số: 15/2024/HC-ST

Ngày: 27/8/2024

V/v Khiếu kiện Hành vi hành
chính của Bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Lê Tâm và bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Hải - Kiểm sát viên Trung cấp.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 48/2023/TLST-HC, ngày 25/12/2023 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính của Bảo hiểm xã hội tỉnh T", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HC ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Đỗ Thị L, sinh năm 1965; (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà F tổ A, phường A, TP., tỉnh Tuyên Quang.

* **Người bị kiện:** Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Số C, đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thái S, chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị N, chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T. (Có mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** B; địa chỉ: Số F C, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế M, chức vụ: Tổng giám đốc B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Quốc T**, chức vụ: Phó Trưởng **Ban Q** – Sở, Thẻ thuộc **B**. (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà **Đỗ Thị L** trình bày:*

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội, với sự hướng dẫn của **Bảo hiểm xã hội tỉnh T**, bà đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội để được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo các giai đoạn như sau:

- Đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc: Từ tháng 01/2006 đến tháng 6/2016, bà tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc với chủ thẻ là chủ hộ kinh doanh cá thể. Thời gian đóng BHXH là 10 năm 6 tháng;

- Đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: Sau khi được **Bảo hiểm xã hội tỉnh T** biết chủ hộ kinh doanh cá thể không thuộc trường hợp phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Đồng thời được sự hướng dẫn và yêu cầu của cán bộ Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang bà chuyển sang hình thức đóng bảo hiểm tự nguyện để được tính thời gian đóng Bảo hiểm xã hội liên tục. Bà đã chuyển sang đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện từ tháng 8/2016 đến tháng 4/2020, thời gian đóng BHXH là 3 năm 9 tháng;

- Đóng bảo hiểm xã hội một lần cho những năm còn thiếu: Đến ngày 01/5/2020, bà đã đủ 55 tuổi. Bà đã nộp một lần cho số thời gian tham gia đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu là 5 năm 9 tháng; số tiền đã nộp là: 72.000.000 đồng (bao gồm cả tiền lãi theo quy định).

Sau khi bà đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm. Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang đã chốt sổ BHXH cho bà và hướng dẫn bà làm đơn, nộp hồ sơ đề nghị giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng.

Từ đó đến nay, bà đã nhiều lần gửi đơn đề nghị, khiếu nại yêu cầu **Bảo hiểm xã hội tỉnh T** giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác có liên quan cho bà, nhưng Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang không giải quyết, không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định. Đến nay, bà vẫn không được hưởng chế độ hưu trí và các quyền lợi khác.

Do không được giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế kịp thời, để đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế liên tục 5 năm, bà đã mua bảo hiểm y tế ngắn hạn từ tháng 5/2020 đến nay.

Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang thực hiện các nội dung sau:

- Tuyên bố hành vi của Bảo hiểm xã hội tỉnh không ban hành quyết định hưởng lương hưu hàng tháng cho bà là trái pháp luật;

- Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh ban hành quyết định hưởng lương hưu hàng tháng cho bà, kể từ 01/5/2020.

- Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang phải hoàn trả và bồi thường cho bà các khoản tiền như sau:

+ Hoàn trả tiền lương hưu hàng tháng cho bà từ tháng 5/2020 đến nay, số tiền tạm tính đến hết tháng 7/2023 là: 60.810.375 đồng;

+ Hoàn trả tiền đóng bảo hiểm y tế cho bà từ tháng 5/2020 đến nay, số tiền tạm tính đến hết tháng 7/2023 là: 2.950.200 đồng.

+ Bồi thường cho bà một khoản tiền bằng tiền chậm nộp theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 59 Luật quản lý thuế năm 2019 (bằng 0,03%/ngày) do việc chậm trả lương hưu và phí bảo hiểm y tế hàng tháng của bà từ tháng 5/2020 đến nay, số tiền tạm tính đến hết tháng 7/2023 là: 10.869.180 đồng;

+ Bồi thường mọi phí tổn về vật chất và tinh thần do chậm giải quyết chế độ hưu trí của Bảo hiểm xã hội gây ra cho bà gồm: Bồi thường thiệt hại về vật chất, số tiền tạm tính là 2.500.000 đồng; Bồi thường thiệt hại về tinh thần, số tiền tạm tính là 3.000.000 đồng.

* *Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện BHXH tỉnh T trình bày:*

Việc tổ chức thu BHXH và giải quyết chế độ BHXH đối với bà **Đỗ Thị L** với chức danh chủ hộ SXKDCT:

Thực hiện Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 09/01/2003 của Chính phủ “Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ BHXH ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ”. Ngày 01/6/2004, **BHXH tỉnh T** đã có văn bản số 246/BHXH-PT báo cáo, xin **ý kiến B1** về đối tượng tham gia BHXH theo Nghị định số 01/2003/NĐ-CP thu BHXH bắt buộc đối với chủ hộ sản xuất, kinh doanh cá thể (SXKDCT).

Ngày 25/6/2004, **B1** đã có văn bản số 2131/BHXH-BT về việc thu BHXH, nội dung “Nhất trí cho **BHXH tỉnh T** thu BHXH bắt buộc đối với chủ hộ trực tiếp sản xuất, kinh doanh”. **BHXH tỉnh T** đã thực hiện thu BHXH bắt buộc đối với bà **Đỗ Thị L**, sinh ngày 25/4/1965, mã số BHXH 1406003350, cư trú tại **xã A, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là tổ A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang)**.

Bà **Đỗ Thị L** tham gia BHXH từ tháng 01/2006, tổng thời gian đóng BHXH vào quỹ hưu trí, tử tuất là 20 năm, trong đó có 10 năm 06 tháng tham gia BHXH với chức danh là chủ hộ sản xuất kinh doanh cá thể (từ 01/2006 đến tháng 06/2016); có 03 năm 09 tháng đóng BHXH tự nguyện (từ 08/2016 đến tháng 04/2020).

Ngày 03/5/2020, bà **Đỗ Thị L** đóng BHXH tự nguyện một lần cho những năm còn thiếu (05 năm 09 tháng) với tổng số tiền 72.213.484 đồng (trong đó: Số tiền bà **L** thực nộp: 70.949.748 đồng; ngân sách nhà nước hỗ trợ 1.263.736 đồng)

tại Đ1 (phường A) để cộng nối với thời gian đóng BHXH chức danh nghề chủ hộ SXKDCT cho đủ 20 năm tham gia BHXH.

Tuy nhiên, khi Luật BHXH năm 2014 ban hành thì đối tượng chủ hộ SXKDCT không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.

BHXH tỉnh T có Công văn số 409/BHXH-QLT ngày 07/4/2016 về việc thu BHXH bắt buộc đối với chủ hộ SXKDCT để báo cáo xin ý kiến B1. Ngày 27/4/2016, B1 có Công văn số 1503/BHXH-BT trả lời văn bản của BHXH tỉnh T “Luật BHXH năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật BHXH không có quy định về chủ hộ SXKDCT tham gia BHXH bắt buộc. Do đó không có căn cứ để BHXH tỉnh Tuyên Quang thu BHXH bắt buộc đối với những lao động là chủ hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật về hộ kinh doanh và yêu cầu BHXH tỉnh T thực hiện theo đúng quy định”.

Căn cứ Công văn số 1503/BHXH-BT ngày 27/4/2016 của B1, ngày 06/5/2016 BHXH tỉnh T có Công văn số 564/BHXH-QLT gửi BHXH các huyện, thành phố triển khai thực hiện dừng thu BHXH bắt buộc đối với người lao động là chủ hộ SXKDCT phát sinh từ ngày 01/01/2016.

Ngày 08/9/2016, BHXH tỉnh T có Công văn số 1159/BHXH-QLT để báo cáo xin ý kiến B1 về việc thu BHXH bắt buộc đối với số lao động là chủ hộ SXKDCT đã phát sinh thu trước 01/01/2016.

Ngày 01/11/2019 B1 có Công văn số 4116/BHXH-BT về việc thực hiện chính sách BHXH bắt buộc đối với người lao động và gửi kèm Công văn số 4253/LĐTBOXH-BHXH ngày 04/10/2019 của Bộ L1 về việc thực hiện chính sách BHXH đối với người lao động. Ngày 23/12/2019, BHXH tỉnh T có Công văn số 1216/BHXH-QLT gửi BHXH các huyện, thành phố về việc tạm dừng thực hiện thu BHXH đối với người lao động là chủ hộ SXKDCT đang tham gia BHXH kể từ ngày 01/01/2020.

Do người lao động tham gia BHXH là chủ hộ SXKDCT không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc theo quy định của Luật BHXH nên BHXH tỉnh T không có cơ sở để giải quyết chế độ hưu trí cho người lao động.

Ngày 26/5/2020, BHXH tỉnh T có Công văn số 468/BHXH-QLT gửi Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Tuyên Quang báo cáo, đề xuất giải quyết vướng mắc trong việc thu BHXH và giải quyết chế độ đối với chủ hộ SXKDCT.

Ngày 01/6/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh T có Công văn số 1612/UBND-KGVX về việc thu và giải quyết chế độ đối với chủ hộ kinh doanh cá thể gửi Bộ L1. Ngày 12/6/2020, Bộ L1 có văn bản số 2123/LĐTBOXH-BHXH về việc thực hiện chính sách BHXH đối với chủ hộ kinh doanh cá thể gửi UBND tỉnh T, trong văn bản thể hiện chủ hộ kinh doanh cá thể không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc và không có cơ sở để giải quyết theo đề nghị của UBND tỉnh T.

Ngày 16/9/2020, **B1** có Công văn số 2916/BHXH-CSXH gửi **Bộ L1** về việc thực hiện BHXH bắt buộc đối với chủ hộ kinh doanh cá thể và nhân viên **D2**.

Ngày 07/6/2021 **BHXH tỉnh T** có Báo cáo số 106/BC-BHXH báo cáo về việc giải quyết chế độ đối với chủ hộ SXKDCT để báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 02/12/2021 **BHXH tỉnh T** tiếp tục có Báo cáo số 297/BC-BHXH báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo giải quyết của **B1** và **UBND tỉnh T**.

Ngày 27/12/2021 **B1** có Báo cáo số 4307/BHXH-TST báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo giải quyết của **Bộ L1** xem xét, hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết tính thời gian đã đóng BHXH đối với chủ hộ kinh doanh cá thể và nhân viên **D2**.

Ngày 16/3/2022, **B1** có Công văn số 649/BHXH-TST về việc tham gia ý kiến đối với nội dung đề nghị của TAND tỉnh Tuyên Quang. Theo văn bản, do pháp luật về BHXH chưa quy định chủ hộ SXKDCT thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc nên thời gian đã đóng BHXH bắt buộc với chức danh chủ hộ SXKDCT như trường hợp của bà **L** chưa được tính để hưởng chế độ hưu trí.

Tuy nhiên, để phù hợp với tình hình thực tiễn, nguyện vọng cũng như đảm bảo lợi ích của người lao động và an sinh xã hội, **B1** đã và đang tiếp tục đề nghị **Bộ L1** xem xét, giải quyết hoặc chủ trì trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết tính thời gian đã đóng BHXH bắt buộc với chức danh chủ hộ SXKDCT để hưởng các chế độ BHXH.

Ngày 25/4/2023, **B1** đã có văn bản số 1191/BHXH-TST gửi Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc báo cáo giải trình về đóng BHXH của hộ kinh doanh cá thể với mong muốn giải quyết chế độ cho người lao động.

Trong thời gian chưa được **Bộ L1** và các cấp có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện, cơ quan BHXH không có căn cứ để tính thời gian đóng để hưởng chế độ BHXH bắt buộc đối với chức danh chủ hộ SXKDCT.

Về việc giải quyết đơn thư của bà **Đỗ Thị L**:

Ngày 28/5/2020, bà **Đỗ Thị L** có hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ hưu trí nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thuộc **BHXH tỉnh T** do bà đã đóng BHXH tối thiểu 20 năm và đã đủ điều kiện về tuổi đời để nghỉ hưởng chế độ hưu trí.

Ngày 17/8/2020, bà **Đỗ Thị L** có đơn đề nghị giải quyết chế độ hưu trí gửi Ban tiếp dân **Hội đồng nhân dân tỉnh T**, **Hội đồng nhân dân tỉnh T** có Công văn số 412/HĐND-VP về việc chuyển đơn của công dân, **BHXH tỉnh T** đã có Công văn số 948/BHXH-QLT ngày 14/9/2020 về việc trả lời đơn công dân gửi đến bà **Đỗ Thị L** với nội dung: Theo quy định của Luật BHXH, việc chấp nhận thời gian

tham gia BHXH bắt buộc của người lao động là chủ hộ SXKDCT không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan BHXH tỉnh.

Ngày 27/10/2020, ngày 02/3/2021, ngày 15/4/2021 bà **Đỗ Thị Liên tiếp t** có đơn đề nghị giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng gửi tới **BHXH tỉnh T**, bà **L** yêu cầu **BHXH tỉnh T** giải quyết ngay việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng cho bà theo đúng quy định.

BHXH tỉnh T đã mời bà **Đỗ Thị L** 02 lần đến bộ phận tiếp công dân của cơ quan BHXH tỉnh để vận động, giải thích để bà **L** hiểu rõ về khó khăn vướng mắc trong giải quyết chế độ hưu trí đối với chủ hộ SXKDCT, nhưng bà **Đỗ Thị L** không nhất trí với ý kiến giải thích và đã có đơn khởi kiện **BHXH tỉnh T** gửi Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét, giải quyết vụ án theo quy định. **BHXH tỉnh T** sẽ căn cứ phán quyết của Tòa án, quy định của pháp luật để thực hiện. Về việc bồi thường, đền bù thiệt hại theo yêu cầu của người khởi kiện **BHXH tỉnh T** sẽ căn cứ vào kết quả giải quyết vụ án của Tòa án, quy định của pháp luật về BHXH, BHYT và các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm bồi thường.

**Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan BHXH Việt Nam trình bày:*

Về căn cứ ban hành văn bản số 2131/BHXH-BT ngày 25/6/2004 về việc thu BHXH của **B1**:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 7 Bộ luật Lao động năm 1994 thì người lao động là người ít nhất đủ 15 tuổi, có khả năng lao động và có giao kết hợp đồng lao động (HĐLĐ). Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân, nếu là cá nhân thì ít nhất phải đủ 18 tuổi, có thuê mướn, sử dụng và trả công lao động. Người lao động được trả lương trên cơ sở thoả thuận với người sử dụng lao động nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định và theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc; được bảo hộ lao động. làm việc trong những điều kiện bảo đảm về an toàn lao động, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hàng năm có lương và được BHXH theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 09/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ BHXH ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ thì người lao động làm việc theo HĐLĐ có thời hạn từ đủ 03 tháng trở lên và HĐLĐ không xác định thời hạn tại hộ sản xuất, kinh doanh cá thể thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc; tuy nhiên chưa quy định rõ việc chủ hộ sản xuất, kinh doanh cá thể (HKDCT) không thuê lao động mà trực tiếp tự sản xuất giống như người lao động thì có thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc hay không.

Theo báo cáo của **BHXXH tỉnh T** tại văn bản số 246/BHXXH-PT ngày 01/6/2004, thực tế các chủ hộ trong gần 10.000 HKDCT không có lao động thuê mướn thực hiện ký kết HĐLĐ mà chỉ có chủ hộ trực tiếp sản xuất kinh doanh, đề nghị được tham gia BHXXH bắt buộc. Như vậy, số đông chủ hộ trong gần 10.000 hộ là người trực tiếp sản xuất kinh doanh, ở đây chủ hộ đóng vai trò vừa là chủ sử dụng lao động vừa là người lao động trực tiếp sản xuất (vì là chủ hộ nên không có HĐLĐ do không thể tự ký HĐLĐ với chính mình được) nhưng bản chất chủ hộ như là một người lao động, do đó cũng phải được hưởng quyền lợi và lợi ích hợp pháp như người lao động bao gồm cả được BHXXH theo quy định của pháp luật. Mặt khác, theo tinh thần của Bộ luật Lao động năm 1994, thời kì này Nhà nước đang khuyến khích phát triển kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi hoặc giúp đỡ cho mọi hoạt động tạo ra việc làm hoặc tự tạo việc làm để tạo ra của cải vật chất. Vì vậy, việc các chủ hộ tự tạo việc làm thời kì này theo định hướng của Nhà nước rất đáng được khích lệ và một trong những điều kiện đó là chủ hộ tự sản xuất kinh doanh phải được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp với tư cách như là một người lao động. Mặt khác, tại thời điểm này chưa có chính sách BHXXH tự nguyện. Vì vậy, đề nghị được tham gia BHXXH bắt buộc của chủ hộ sản xuất, kinh doanh cá thể là hợp pháp, chính đáng.

Căn cứ các quy định của Bộ luật Lao động năm 1994, Nghị định số 01/2003/NĐ-CP và thực tiễn như báo cáo của **BHXXH tỉnh T** nêu trên; cùng với chủ trương, định hướng của **D** và Nhà nước về tăng cường phát triển đối tượng tham gia BHXXH, đảm bảo an sinh xã hội cho mọi người lao động, trong bối cảnh chưa có chính sách về việc tham gia BHXXH tự nguyện, **B1** đã có văn bản số 2131/BHXXH-BT ngày 25/6/2004, hướng dẫn BHXXH tỉnh Tuyên Quang thu BHXXH bắt buộc đối với chủ HKDCT đang trực tiếp sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, đến ngày 29/6/2006 Quốc hội ban hành Luật BHXXH năm 2006, trong đó không quy định chủ HKDCT thuộc đối tượng tham gia BHXXH bắt buộc. Thực hiện Luật BHXXH năm 2014, **B1** đã có văn bản số 1503/BHXXHBT ngày 27/4/2016 yêu cầu BHXXH tỉnh, thành phố không thu BHXXH bắt buộc đối với chủ HKDCT.

Để giải quyết quyền lợi BHXXH đối với chủ HKDCT đã có quá trình đóng BHXXH bắt buộc với chức danh chủ hộ, đảm bảo an sinh xã hội, **B1** đã có văn bản số 4677/BHXXH-BT ngày 22/11/2016 về việc thực hiện chính sách BHXXH bắt buộc đối với chủ hộ kinh doanh cá thể, báo cáo và đề nghị **Bộ L1** xem xét, có ý kiến giải quyết.

Thực tiễn cho thấy khi đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức hộ kinh doanh cá thể hầu hết chủ hộ và thân nhân của họ tự hoạt động sản xuất kinh doanh; đến nay nhiều trường hợp chủ HKDCT đã đủ điều kiện hưởng lương hưu, nhưng không được giải quyết đã gửi đơn thư khiếu kiện (như các trường hợp ở Tuyên Quang, Sơn La,...). Từ thực tiễn tổ chức thực hiện chính sách,

gắn với quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nội dung cải cách chính sách BHXH tại Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách BHXH thì chủ hộ kinh doanh cá thể và một số nhóm đối tượng khác đã được định hướng, đưa vào đối tượng tham gia BHXH bắt buộc; mặt khác, chủ hộ kinh doanh cá thể đã tham gia, đóng BHXH vào quỹ thì việc giải quyết chế độ, chính sách vẫn tuân thủ nguyên tắc đóng - hưởng theo quy định của Luật BHXH, không ảnh hưởng đến nguồn quỹ BHXH, góp phần ổn định cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội.

Vì vậy, với việc tính thời gian đóng BHXH để tính hưởng các chế độ BHXH đối với các đối tượng nêu trên, sẽ đảm bảo chính sách an sinh xã hội bền vững, tạo điều kiện mở rộng, phát triển đối tượng tham gia, tránh khiếu kiện, khiếu nại kéo dài, **B1** tiếp tục có các văn bản số 2916/BHXH-CSXH ngày 16/9/2020 về việc thực hiện chính sách BHXH bắt buộc đối với chủ hộ kinh doanh cá thể và nhân viên **Đ2** và văn bản số 4307/BHXH-TST ngày 27/12/2021 về việc xem xét tính thời gian đã đóng BHXH để hưởng chế độ BHXH đối với chủ hộ kinh doanh cá thể và nhân viên **Đ2**, xin ý kiến **Bộ L1**.

Như đề nghị của một số Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, BHXH Việt Nam đã và đang tiếp tục đề nghị **Bộ L1** xem xét, giải quyết hoặc chủ trì trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết tính thời gian đã đóng BHXH bắt buộc để hưởng các chế độ BHXH đối với chủ hộ kinh doanh cá thể như trước đó **Bộ L1** đã giải quyết tính thời gian đã đóng BHXH bắt buộc đối với nhân viên **Đ2** tại thành phố Hải Phòng và tỉnh Phú Thọ (theo Công văn số 2761/LĐTBOXH-BHXH ngày 11/7/2019 gửi Ủy ban nhân dân thành phố H, Công văn số 1659/LĐTBOXH-BHXH ngày 14/5/2020 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh P), hoặc đã trình Chính phủ xem xét, giải quyết cho tính thời gian đã đóng BHXH bắt buộc từ tháng 11/2003 để hưởng chế độ BHXH đối với Xã đội phó và Phó Công an xã theo quy định tại Nghị quyết số 101/NQ-CP ngày 06/9/2021 của Chính phủ.

Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định hưởng chế độ hưu trí đối với bà **Đỗ Thị L:**

Căn cứ quy định tại Điều 71 Luật BHXH năm 2014; Điều 5 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện, điều kiện hưởng chế độ hưu trí đối với người lao động nữ trước đó có thời gian đóng BHXH bắt buộc là có thời gian tính hưởng chế độ hưu trí từ đủ 20 năm trở lên và đủ 55 tuổi.

Pháp luật về BHXH chưa quy định chủ HKDCT thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc nên thời gian đã đóng BHXH bắt buộc với chức danh chủ HKDCT của bà **L** (10 năm 06 tháng), chưa được tính để hưởng chế độ hưu trí. Hiện tại tổng thời gian đóng BHXH để tính hưởng chế độ hưu trí đối với bà **L** là 09 năm 06 tháng, chưa đủ 20 năm đóng BHXH. Vì vậy **BHXH tỉnh T** không có căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định hưởng chế độ hưu trí đối với bà **L**.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự đối thoại không thành. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa người khởi kiện bà **Đỗ Thị L** đề nghị:

.....
.....
.....
.....

Người bị kiện **BHXXH tỉnh T** đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xem xét, giải quyết vụ án theo quy định. **BHXXH tỉnh T** sẽ căn cứ phán quyết của Tòa án, quy định của pháp luật để thực hiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – **B1** vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như trong bản tự khai.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện đã chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đơn khởi kiện của bà **Đỗ Thị L** là đúng thời hạn, thời hiệu theo quy định của Luật Tố tụng hành chính nên được coi là hợp lệ. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, qua quá trình xét hỏi, tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Đỗ Thị L**, buộc **BHXXH tỉnh T** thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định; không chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của bà **Đỗ Thị L** về việc buộc **Bảo hiểm xã hội tỉnh T** phải hoàn trả và bồi thường cho bà các khoản tiền như sau:

+ Hoàn trả tiền lương hưu hàng tháng cho bà từ tháng 5/2020 đến nay, số tiền tạm tính đến hết tháng 7/2023 là: 60.810.375 đồng;

+ Hoàn trả tiền đóng bảo hiểm y tế từ tháng 5/2020 đến nay, số tiền tạm tính đến hết tháng 7/2023 là: 2.950.200 đồng.

+ Bồi thường cho bà một khoản tiền bằng tiền chậm nộp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 59 Luật quản lý thuế năm 2019 (bằng 0,03%/ngày) do việc chậm trả lương hưu và phí bảo hiểm y tế hàng tháng của bà từ tháng 5/2020 đến nay, số tiền tạm tính đến hết tháng 7/2023 là: 10.869.180 đồng;

+ Bồi thường mọi phí tổn về vật chất và tinh thần do chậm giải quyết chế

độ hưu trí của Bảo hiểm xã hội gây ra cho bà gồm: Bồi thường thiệt hại về vật chất, số tiền tạm tính là 2.500.000 đồng; Bồi thường thiệt hại về tinh thần, số tiền tạm tính là 3.000.000 đồng.

Về án phí: Bà **L** không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử sơ thẩm hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **B** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bảo hiểm xã hội Việt Nam là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ngày 02/8/2023, bà **Đỗ Thị L** nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đề nghị Tòa án tuyên hành vi của Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang không ban hành quyết định hưởng lương hưu hàng tháng cho bà là trái pháp luật; Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh ban hành quyết định hưởng lương hưu hàng tháng cho bà kể từ 01/5/2020; Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang phải hoàn trả và bồi thường cho bà các khoản tiền gồm: Tiền lương hưu hàng tháng cho từ tháng 5/2020 đến nay; tiền đóng bảo hiểm y tế từ tháng 5/2020 đến nay; tiền bằng tiền chậm nộp do việc chậm trả lương hưu và phí bảo hiểm y tế hàng tháng từ tháng 5/2020 đến nay; Bồi thường mọi phí tổn về vật chất và tinh thần do chậm giải quyết chế độ hưu trí của Bảo hiểm xã hội gây ra. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì khiếu kiện trên là khiếu kiện hành vi hành chính về bảo hiểm xã hội, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 28/5/2020, bà **Đỗ Thị L** có hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ hưu trí tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang. Do không được giải quyết chế độ bà **L** đã nhiều lần làm đơn đề nghị **Bảo hiểm xã hội tỉnh T** giải quyết chế độ hưu trí. Do có vướng mắc trong việc thu BHXH và giải quyết chế độ đối với chủ hộ SXKDCT, BHXH tỉnh đã nhiều lần báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo giải quyết của **B1** và **UBND tỉnh T**.

Ngày 27/12/2021 **B1** gửi báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo giải quyết của **Bộ L1**. Ngày 25/4/2023, **B1** đã có văn bản số 1191/BHXH-TST gửi Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc báo cáo giải trình về đóng BHXH của hộ kinh doanh cá thể. Ngày 29/6/2024, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 giao Chính phủ trình UBTWQH ghi nhận thời gian đóng BHXH bắt buộc của chủ hộ kinh doanh đã tham gia trước ngày Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 có hiệu lực thi hành. Như vậy, đơn khởi kiện của bà **L** khởi kiện hành vi của **Bảo hiểm xã hội tỉnh T** không ban hành quyết định hưởng lương hưu hàng tháng cho bà, mặc dù vào thời điểm tháng 05/2020 khi bà **L** nộp hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ hưu trí nhưng không được giải quyết là bà đã biết hành vi không ban hành Quyết định hưởng chế độ hưu trí cho bà ảnh hưởng đến quyền lợi của bà nhưng cho đến ngày 02/8/2023 bà **L** mới khởi kiện, tuy nhiên phía **BHXH tỉnh T** là cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện giải quyết chế độ cho bà **L** đã xác nhận hành vi của mình chưa thực hiện được do vướng mắc trong việc thu BHXH và giải quyết chế độ đối với chủ hộ SXKDCT nên đã báo cáo cấp có thẩm quyền xin ý kiến chỉ đạo giải quyết, do đó căn cứ quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính, cần phải xem xét yêu cầu khởi kiện của bà **L** để đảm bảo quyền lợi của bà **L**.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội của bà **Đỗ Thị L**:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Thực hiện Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 09/01/2003 của Chính phủ “Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ BHXH ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ”. Ngày 01/6/2004, **BHXH tỉnh T** đã có văn bản số 246/BHXH-PT báo cáo, xin **ý kiến B1** về đối tượng tham gia BHXH theo Nghị định số 01/2003/NĐ-CP thu BHXH bắt buộc đối với chủ hộ sản xuất, kinh doanh cá thể (SXKDCT).

Ngày 25/6/2004, **B1** đã có văn bản số 2131/BHXH-BT về việc thu BHXH, nội dung “Nhất trí cho **BHXH tỉnh T** thu BHXH bắt buộc đối với chủ hộ trực tiếp sản xuất, kinh doanh”. **BHXH tỉnh T** đã thực hiện thu BHXH bắt buộc đối với bà **Đỗ Thị L**, sinh ngày 25/4/1965, mã số BHXH 1406003350, cư trú tại **xã A, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là tổ A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang)**.

Bà **Đỗ Thị L** tham gia BHXH từ tháng 01/2006, tổng thời gian đóng BHXH vào quỹ hưu trí, tử tuất là 20 năm, trong đó có 10 năm 06 tháng tham gia BHXH với chức danh là chủ hộ sản xuất kinh doanh cá thể (từ 01/2006 đến tháng 06/2016); có 03 năm 09 tháng đóng BHXH tự nguyện (từ 08/2016 đến tháng 04/2020).

Ngày 03/5/2020, bà **Đỗ Thị L** đóng BHXH tự nguyện một lần cho những năm còn thiếu (05 năm 09 tháng) với tổng số tiền 72.213.484 đồng (trong đó: Số tiền bà **L** thực nộp: 70.949.748 đồng; ngân sách nhà nước hỗ trợ 1.263.736 đồng) tại **Đ1 (phường A)** để cộng nối với thời gian đóng BHXH chức danh nghề chủ hộ SXKDCT cho đủ 20 năm tham gia BHXH.

[2.2] Về các quy định của pháp luật và việc tổ chức thu BHXH bắt buộc đối với bà **L**:

Điều 1 Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 09/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định: “ 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

"Điều 3. Đối tượng áp dụng bảo hiểm xã hội bắt buộc gồm:

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên và hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức sau:

- a) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước;*
- b) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;*
- c) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;*
- d) Doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;*
- đ) Hộ sản xuất, kinh doanh cá thể, tổ hợp tác.*

...

Theo quy định trên thì chủ hộ kinh doanh cá thể không thuộc trường hợp tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Tuy nhiên, tại thời điểm này cơ quan BHXH đã căn cứ theo Nghị định số 01/2003/NĐ-CP để xác định người lao động trong đó có cả chủ hộ thuộc Hộ sản xuất, kinh doanh cá thể là đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. **BHXH tỉnh T** do đó đã có báo cáo xin ý kiến **B1** về đối tượng tham gia BHXH; tại văn bản số 2131/BHXH-BT của **B1** ngày 25/6/2004 về việc thu BHXH có nội dung: “*Trường hợp chủ hộ sản xuất, kinh doanh cá thể, tổ hợp tác trực tiếp sản xuất kinh doanh theo giấy phép kinh doanh được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp thì thực hiện thu BHXH theo mức tiền lương đăng ký tham gia đóng BHXH nhưng không thấp hơn tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định*”.

Theo văn bản hướng dẫn trên của **B1**, **BHXH tỉnh T** đã tiến hành thu BHXH bắt buộc đối với chủ hộ kinh doanh cá thể đang trực tiếp sản xuất kinh doanh, trong đó có bà **Đỗ Thị L**.

Tuy nhiên, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật BHXH không có quy định chủ hộ

SXKDCT tham gia BHXH bắt buộc. Đến năm 2020, bà **L** có đủ 20 năm đóng BHXH, tuy nhiên **BHXH tỉnh T** không có cơ sở để giải quyết chế độ hưu trí cho người lao động.

HĐXX thấy rằng, việc thu BHXH thuộc trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm, còn người lao động đóng BHXH theo hướng dẫn của cơ quan BHXH, bản thân bà **L** đã có thời gian tham gia BHXH từ tháng 01/2006, tổng thời gian đóng BHXH vào quỹ hưu trí, tử tuất là 20 năm, trong đó có 10 năm 06 tháng tham gia BHXH với chức danh là chủ hộ sản xuất kinh doanh cá thể (từ 01/2006 đến tháng 06/2016); có 03 năm 09 tháng đóng BHXH tự nguyện (từ 08/2016 đến tháng 04/2020); đóng BHXH một lần cho những năm còn thiếu (05 năm 09 tháng) với tổng số tiền 72.213.484 đồng. Bà **L** đã nộp đầy đủ số tiền theo hướng dẫn và được **BHXH tỉnh T** lập tờ rời sổ bảo hiểm xã hội từng năm cho bà.

Theo quy định tại Điều 23 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về Trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội:

1. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

2. Ban hành mẫu sổ, mẫu hồ sơ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp sau khi có ý kiến thống nhất của **Bộ L1**.

3. Tổ chức thực hiện thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 1, Điều 5 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về Nguyên tắc bảo hiểm xã hội: “1. Mức hưởng bảo hiểm xã hội được tính trên cơ sở mức đóng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội và có chia sẻ giữa những người tham gia bảo hiểm xã hội”.

Như vậy, bà **L** đã thực hiện việc nộp đầy đủ số tiền BHXH với chức danh là chủ hộ sản xuất kinh doanh cá thể, tham gia đóng BHXH tự nguyện và đóng bổ sung BHXH một lần cho những năm còn thiếu theo hướng dẫn của cơ quan BHXH tỉnh. Việc đóng bảo hiểm xã hội của bà **L** là có thật và được cơ quan **BHXH tỉnh T** thừa nhận. Vì vậy, dựa trên nguyên tắc đóng – hưởng theo quy định trên và nguyên tắc có lợi cho người lao động, nhất là trong giai đoạn hiện nay Đảng và Nhà nước đang khuyến khích, động viên người lao động tham gia bảo hiểm xã hội để bảo đảm an sinh xã hội khi hết tuổi lao động.

Hơn nữa, việc tổ chức thu, xét duyệt cho các chủ hộ kinh doanh cá thể tham gia đóng BHXH bắt buộc là có phần sai sót của Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang và **B**, người đóng bảo hiểm không có lỗi.

Ngày 28/5/2020 bà **L** có hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ hưu trí do bà đã đóng BHXH tối thiểu 20 năm và đã đủ điều kiện về tuổi đời để nghỉ hưởng chế độ hưu trí, việc mong muốn được hưởng chế độ hưu trí là nguyện vọng chính đáng của người lao động. Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang và **B1** cho rằng do pháp luật về BHXH chưa quy định chủ hộ kinh doanh cá thể thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc nên thời gian đã đóng BHXH bắt buộc với chức danh chủ hộ kinh doanh cá thể như trường hợp của bà **H** chưa được tính để hưởng chế độ hưu trí, tuy nhiên việc thu bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với chủ hộ SXKD cá thể đối với bà **L** là không đúng nhưng không được phát hiện, xử lý kịp thời mà đến hơn 10 năm sau mới hướng dẫn cho bà **L** chuyển sang đóng BHXH tự nguyện và đóng BHXH một lần.

Đề phù hợp với tình hình thực tiễn, nguyện vọng cũng như đảm bảo lợi ích của người lao động và an sinh xã hội, từ năm 2020 **BHXH tỉnh T** đã nhiều lần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và **B1** đã nhiều lần có báo cáo đề nghị **Bộ L1** xem xét, giải quyết hoặc chủ trì trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết tính thời gian đã đóng BHXH bắt buộc với chức danh chủ hộ SXKDCT để hưởng các chế độ BHXH.

Ngày 25/4/2023, **B1** đã có văn bản số 1191/BHXH-TST gửi Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc báo cáo giải trình về đóng BHXH của hộ kinh doanh cá thể với mong muốn giải quyết chế độ cho người lao động.

Ngày 29/6/2024, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 giao Chính phủ trình UBTWQH ghi nhận thời gian đóng BHXH bắt buộc của chủ hộ kinh doanh đã tham gia trước ngày Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 có hiệu lực thi hành để làm căn cứ giải quyết chế độ BHXH theo quy định của pháp luật về BHXH. Theo tinh thần của Nghị quyết số 142, thời gian đóng BHXH bắt buộc của chủ hộ kinh doanh như bà **L** đã được ghi nhận. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ.

[2.3] Từ các căn cứ nêu trên cho thấy, việc bà **Đỗ Thị L** tham gia BHXH từ tháng 01/2006, tổng thời gian đóng BHXH vào quỹ hưu trí, tử tuất là 20 năm, trong đó có 10 năm 06 tháng tham gia BHXH với chức danh là chủ hộ sản xuất kinh doanh cá thể (từ 01/2006 đến tháng 06/2016); có 03 năm 09 tháng đóng BHXH tự nguyện (từ 08/2016 đến tháng 04/2020); đóng BHXH một lần cho những năm còn thiếu (05 năm 09 tháng) với tổng số tiền 72.213.484 đồng là thực tế, phù hợp với nguyên tắc đóng – hưởng BHXH theo quy định, được cơ quan BHXH thừa nhận và nhiều lần đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét và hiện nay đã được Quốc hội ban hành Nghị quyết trong đó ghi nhận thời gian đóng BHXH bắt buộc của chủ hộ kinh doanh cá thể để làm căn cứ giải quyết chế độ BHXH cho chủ hộ kinh doanh cá thể, do đó, việc bà **L** khởi kiện là có căn cứ giải quyết và cần được chấp nhận. Buộc BHXH tỉnh Tuyên Quang căn cứ hướng dẫn của cơ quan

cấp trên để thực hiện việc ban hành Quyết định giải quyết chế độ hưu trí cho bà **Đỗ Thị L.**

[2.4]. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà **L** về việc buộc **Bảo hiểm xã hội tỉnh T** phải hoàn trả và bồi thường cho bà các khoản tiền gồm:

+ Hoàn trả tiền lương hưu hàng tháng cho bà từ tháng 5/2020 đến nay, số tiền tạm tính đến hết tháng 7/2023 là: 60.810.375 đồng;

+ Hoàn trả tiền đóng bảo hiểm y tế cho bà từ tháng 5/2020 đến nay, số tiền tạm tính đến hết tháng 7/2023 là: 2.950.200 đồng.

+ Bồi thường cho bà một khoản tiền bằng tiền chậm nộp theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 59 Luật quản lý thuế năm 2019 (bằng 0,03%/ngày) do việc chậm trả lương hưu và phí bảo hiểm y tế hàng tháng của bà từ tháng 5/2020 đến nay, số tiền tạm tính đến hết tháng 7/2023 là: 10.869.180 đồng;

+ Bồi thường mọi phí tổn về vật chất và tinh thần do chậm giải quyết chế độ hưu trí của Bảo hiểm xã hội gây ra cho bà gồm: Bồi thường thiệt hại về vật chất, số tiền tạm tính là 2.500.000 đồng; Bồi thường thiệt hại về tinh thần, số tiền tạm tính là 3.000.000 đồng.

HĐXX thấy rằng: Việc bà **H** yêu cầu được hoàn trả tiền lương hưu hàng tháng cho bà từ tháng 5/2020 đến nay; yêu cầu hoàn trả tiền đóng bảo hiểm y tế và chậm trả lương hưu và phí bảo hiểm y tế hàng tháng của bà từ tháng 5/2020 đến nay do hiện nay BHXH tỉnh Tuyên Quang chưa ban hành quyết định hưởng chế độ hưu trí hàng tháng cho bà **L**, do đó chưa xác định được cụ thể số tiền bà **L** được hoàn trả tiền lương hưu, các khoản tiền thanh toán BHXH do chậm chi trả và các khoản tiền bà **H** đã chi trả liên quan đến BHXH, BHYT từ tháng 05/2020, do đó nội dung này Tòa chưa có căn cứ để xem xét.

Đối với yêu cầu của bà **L** đề nghị bồi thường về vật chất và tinh thần do chậm giải quyết chế độ hưu trí cho bà **L** do bà **L** chưa cung cấp được đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho các thiệt hại đã xảy ra, HĐXX do đó không có căn cứ để xem xét. Dành quyền khởi kiện cho bà **L** bằng một vụ án dân sự khác khi bà **L** cung cấp được đầy đủ tài liệu chứng cứ và có yêu cầu.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà **Đỗ Thị L** được chấp nhận nên người bị kiện Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà **Đỗ Thị L** không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 116; điểm c khoản 2 Điều 193 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ: Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 09/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ; Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; Luật Bảo hiểm xã hội 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà **Đỗ Thị L.** Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang thực hiện nhiệm vụ công vụ trong việc ban hành Quyết định giải quyết chế độ hưu trí cho bà **Đỗ Thị L.**

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà **Đỗ Thị L** về việc buộc **Bảo hiểm xã hội tỉnh T** phải hoàn trả và bồi thường cho bà các khoản tiền gồm:

+ Hoàn trả tiền lương hưu hàng tháng cho bà từ tháng 5/2020 đến nay, số tiền tạm tính đến hết tháng 7/2023 là: 60.810.375 đồng;

+ Hoàn trả tiền đóng bảo hiểm y tế cho bà từ tháng 5/2020 đến nay, số tiền tạm tính đến hết tháng 7/2023 là: 2.950.200 đồng.

+ Bồi thường cho bà một khoản tiền bằng tiền chậm nộp theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 59 Luật quản lý thuế năm 2019 (bằng 0,03%/ngày) do việc chậm trả lương hưu và phí bảo hiểm y tế hàng tháng của bà từ tháng 5/2020 đến nay, số tiền tạm tính đến hết tháng 7/2023 là: 10.869.180 đồng;

+ Bồi thường mọi phí tổn về vật chất và tinh thần do chậm giải quyết chế độ hưu trí của Bảo hiểm xã hội gây ra cho bà gồm: Bồi thường thiệt hại về vật chất, số tiền tạm tính là 2.500.000 đồng; Bồi thường thiệt hại về tinh thần, số tiền tạm tính là 3.000.000 đồng.

Dành quyền khởi kiện cho bà **L** bằng một vụ án dân sự khác khi bà **L** cung cấp được đầy đủ tài liệu chứng cứ và có yêu cầu.

[2] Về án phí: Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Bà **Đỗ Thị L** không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho bà **L** số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000024 ngày 25/12/2023

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Tâm – Hoàng Lê Tâm

Nguyễn Đức Nam